

Détail du SH 9840

Code SH	9840
Description	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật.
Unité	
Généré le	01/11/2026 13:59:05
Version des données	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Statut de vérification	Données tarifaires vérifiées par rapport au fichier source ; conseils/correspondances indicatifs ; éligibilité ALE non vérifiée.
Lien	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9840/

19 lignes tarifaires sous 9840

Code SH	Description	Unité	Droit d'importation ordinaire	MFN	VAT
9840.11.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi kim loại thép Metal segment (14x24) mm		5%	0%	Aucune donnée
9840.11.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi kim loại thép Metal segment (14x24) mm		5%	0%	Aucune donnée
9840.12.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng kim loại thép		5%	0%	Aucune donnée
9840.13.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm bằng đồng dùng gắn vào sản phẩm cao su (10,13x0,8) mm		15%	10%	Aucune donnée
9840.14.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi nhôm lót trong mạ niken (85x38) mm dùng trong công nghiệp sản xuất chuỗi cách điện		5%	0%	Aucune donnée
9840.15.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Keo dán adhesive chemlok 205		7,5%	5%	Aucune donnée
9840.16.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm thép #304 dùng để gắn vào sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée
9840.17.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm vênh bằng thép #304-S dùng để gắn vào sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée

Code SH	Description	Unité	Droit d'importation ordinaire	MFN	VAT
9840.18.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / -Vòng nhôm 3077 (Mini) (99,71x84,73x14,30) mm dùng sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée
9840.19.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Axit stearic		5%	0%	Aucune donnée
9840.20.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Cao lanh (bột đá) dùng sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée
9840.21.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Đệm cao su 0-35 b dùng gắn vào chụp đệm cao su dùng trên mái nhà		5%	0%	Aucune donnée
9840.22.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Cao su lưu hóa dạng tấm		5%	0%	Aucune donnée
9840.23.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Muội carbon black N330,770,660 dạng hạt, dùng để sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée
9840.24.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Tấm lưới bằng nhôm phủ cao su (410x490) mm		5%	0%	Aucune donnée
9840.25.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Dầu Parafin - Paraffinic Oil dùng trong sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée
9840.26.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Hợp chất hóa dẻo Sunthene 480 dạng lỏng dùng để sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée
9840.27.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Oxít Kẽm Zinc Oxide white seal 99.8% (ZNO) dạng bột màu trắng dùng để sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée
9840.28.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng kim loại thép (129.8x2.8) mm dùng để gắn vào sản phẩm cao su		5%	0%	Aucune donnée

Ce rapport est fourni à titre indicatif ; il est généré à partir des données tarifaires source et des règles de conseil. Il ne constitue pas une décision douanière et ne confirme ni le classement SH, ni l'éligibilité à un ALE, ni la validité juridique. L'utilisateur doit vérifier au regard de la législation en vigueur.